

## KẾT HỢP ĐỊNH TÍNH VÀ ĐỊNH LƯỢNG TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN THỊ THU HIỀN\*

Các phương pháp định lượng (*quantitative methods*) đã thống lĩnh trong nghiên cứu khoa học, kể cả khoa học xã hội, hàng thế kỷ nay. Nhưng trong nửa sau của thế kỷ 20, khi các hạn chế của nghiên cứu định lượng được chỉ ra ngày càng nhiều, các phương pháp định tính (*qualitative methods*) nhanh chóng phát triển và chiếm một vị trí không nhỏ trong các nghiên cứu khoa học xã hội. Cùng lúc, cuộc tranh cãi quyết liệt giữa trường phái ủng hộ cách tiếp cận định lượng và trường phái định tính trở thành một đề tài nổi bật trong các tài liệu về phương pháp nghiên cứu khoa học trên thế giới (Goodwin 1996, Bryman 2001). Mặc dù các nhà khoa học đã bỏ rất nhiều thời gian và tâm sức mổ xẻ vấn đề nhưng hầu như không đưa lại một sự thống nhất hay kết quả nào. Vì vậy, một số nhà nghiên cứu bắt đầu lo ngại rằng việc tập trung bàn cãi ai đúng ai sai giữa hai trường phái định tính và định lượng “*có vẻ như đang chia rẽ các nhà nghiên cứu thành hai cực và họ chẳng còn bao nhiêu thời gian để xem xét các vấn đề quan trọng khác của phương pháp nghiên cứu khoa học*” (Goodwin 1996, trg.161). Trong bối cảnh đó, một số nhà nghiên cứu (Goodwin 1996, Creswell 2003) đề xuất một giải pháp mang tính thực tế: đa nguyên trong phương pháp nghiên cứu khoa học với sự kết hợp các phương pháp định tính và định lượng trong cùng một nghiên cứu. Chia sẻ quan điểm ấy, trong bài viết này chúng tôi xem xét khả năng kết hợp cả hai cách tiếp cận trong nghiên cứu khoa học xã hội để đạt được một sự hiểu biết thấu đáo và toàn diện hơn về đối tượng được nghiên cứu.

### 1. Thế nào là nghiên cứu định tính (NCĐT) và nghiên cứu định lượng (NCDL)?

Khái niệm định lượng (*quantity*) thường gắn liền với số lượng, tần số, cường độ. NCDL thường sử dụng các phương pháp thu thập số liệu “cứng” dưới dạng con số và với một số lượng mẫu lớn như: phiếu điều tra (*questionnaire*), phỏng vấn có cấu trúc định sẵn (*structured interview*) và thực nghiệm (*experiment*). Theo Bryman, (1995) NCDL thường nhằm tới kiểm tra giả thuyết, thiết lập sự kiện, thống kê mô tả, tìm hiểu mối quan hệ giữa các biến số và dự đoán. Goodwin (1996) cho rằng, NCDL thường đi theo hướng diễn dịch, có quy trình chặt chẽ và sử dụng các dụng cụ đo lường.

\* Mphil, Giảng viên khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.

Vốn bắt nguồn từ khoa học tự nhiên, các phương pháp định lượng đã được dùng khá rộng rãi trong cả khoa học xã hội. Các mô hình nghiên cứu định lượng thường gặp là điều tra khảo sát theo chiều ngang (*cross-sectional*) hay chiều dọc (*longitudinal*) với mục đích khái quát từ mẫu cho dân số và thực nghiệm<sup>1</sup>. Ví dụ: nghiên cứu định lượng có thể là một khảo sát mô tả về sự khác biệt giới tính trong trò chơi của trẻ em, trong đó người ta sử dụng phiếu điều tra hay phỏng vấn có cấu trúc định trước cho giáo viên và phụ huynh như là phương pháp thu thập số liệu chính yếu. Khái niệm “định tính” (*quality*) chỉ đặc tính của hiện tượng hay sự vật. NCDT chú trọng tới quá trình và ý nghĩa, những cái khó có thể cân đo đong đếm một cách chính xác để thể hiện bằng số lượng, tần số hay cường độ. Từ giữa thế kỷ 20, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, các phương pháp định lượng chỉ chú ý tới lo-gic của con số mà bỏ qua sự phong phú, phức tạp và những mối liên hệ chằng chịt vốn có của các hiện tượng xã hội. Vì vậy, các phương pháp định tính được nhiều người chú ý tới và phát triển mạnh mẽ. Các phương pháp định tính chú trọng tới bản chất xã hội của thực tại, những ảnh hưởng của hoàn cảnh lên đối tượng nghiên cứu, mối quan hệ chặt chẽ giữa người nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu. NCDT cố gắng nhìn các hiện tượng xã hội dưới con mắt của người trong cuộc để tìm giải đáp cho câu hỏi: các trải nghiệm xã hội được con người tạo thành và gán cho ý nghĩa như thế nào? Trong khi các NCDL cố gắng xác minh giả thuyết (*theory testing*) thì NCDT lại thường gắn liền với việc thiết lập giả thuyết (*theory generating*) và đi theo lối quy nạp. NCDT thường sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu như phỏng vấn không theo lịch trình định sẵn (*unstructured in-depth interview*), quan sát (*observation*), phân tích tài liệu (*documentary analysis*) mà kết quả là những số liệu ‘mềm’. Một điểm khác biệt nổi bật nữa của NCDT là người ta phân tích số liệu ngay từ giai đoạn đầu của nghiên cứu: vừa thu thập số liệu vừa phân tích những gì đã thu thập được và dựa vào kết quả của phân tích ấy mà quyết định các bước nghiên cứu tiếp theo.

Từ những năm 1970, số lượng các nghiên cứu định tính nhiều lên trông thấy. Theo Goodwin (1996) số lượng nghiên cứu định tính chiếm khoảng 20% các nghiên cứu thuộc khoa học xã hội trong những năm 1990. Nghiên cứu định tính thường là các dạng *ethnomethodological*, *phenomenological study* và *case study* (tạm dịch: nghiên cứu dân tộc học, nghiên cứu hiện tượng và nghiên cứu đối tượng đặc thù). Trong lĩnh vực giáo dục nghiên cứu định tính có nhiều ở lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ, nghiên cứu phương pháp dạy học và viết.

<sup>1</sup> Thực nghiệm ở đây chỉ mô hình nghiên cứu chứ không phải phương pháp nghiên cứu.

## 2. Sự khác biệt giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng

Bàn về cuộc tranh cãi giữa hai trường phái định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học nhiều nhà nghiên cứu (Bryman 2001) cho rằng sự đối đầu dường như bắt nguồn từ hai góc độ: phương pháp luận và kỹ thuật.

### 2.1 Xét từ góc độ phương pháp luận

Xem xét các bài viết về phương pháp nghiên cứu khoa học cho thấy sự đối đầu của định tính và định lượng có thể xuất phát từ việc người ta cho rằng chúng đại diện cho hai cách nhìn nhận thế giới trái ngược nhau. NCDT thường được xem là xuất phát từ quan điểm thực chứng logic (*logical positivist paradigm*) còn NCDL là đại diện cho cách tiếp cận kiểu dân tộc học và hiện tượng học (*ethnomethodological* và *phenomenological paradigm*).

Quan điểm thực chứng logic cho rằng các hiện tượng xã hội xảy ra một cách khách quan và, cũng giống như đồ vật (*things*) trong thế giới tự nhiên, có thể hiểu được và nghiên cứu được mà không cần tính đến sự có mặt của cá nhân trong đó (Guba & Lincoln 1998). Trong khi đó, NCDL lại chú trọng tới những gì mà cá nhân trải nghiệm và cách anh ta nhìn nhận thế giới (Patton 1990). NCDL được xây dựng trên cơ sở tiếp cận đối tượng một cách tự nhiên (*naturalistic inquiry*). Theo họ nên để hiện tượng được nghiên cứu diễn ra một cách tự nhiên trong bối cảnh tự nhiên của nó và không nên tác động tới bối cảnh nghiên cứu. Nói tóm lại, xét từ góc độ phương pháp luận sự đối nghịch giữa NCDL và NCDT là sự đối lập giữa hành vi bên ngoài và ý nghĩa bên trong, giữa giả thuyết được kiểm định và giả thuyết được xây dựng, giữa con số với ngôn từ, giữa cái nhân tạo và cái tự nhiên (Bryman 2001). Nếu xét cuộc tranh cãi giữa định tính và định lượng từ góc độ phương pháp luận nhiều nhà khoa học cho rằng hai phong cách nghiên cứu không thể cùng có mặt trong một nghiên cứu khoa học vì chúng đại diện cho hai cách nhìn nhận thế giới loại trừ lẫn nhau.

### 2.2 Xét về phương diện kỹ thuật

Nếu xét từ góc độ kỹ thuật thì sự phân chia các phương pháp nghiên cứu khoa học thành định tính và định lượng chỉ là để thuận tiện hơn cho việc sắp xếp chúng một cách hệ thống mà thôi. Và cũng từ phương diện kỹ thuật thì các phương pháp định tính và định lượng chỉ khác nhau ở chỗ chúng tìm hiểu những khía cạnh khác nhau của một đối tượng. Bryman (1995, 2001) nhấn mạnh rằng nếu chỉ chú trọng tới sự khác biệt giữa NCDL và NCDT từ góc độ phương pháp luận có thể dẫn đến nguy cơ phổ biến sự khác biệt giữa hai trường phái. Ông cho rằng nếu xét sự khác biệt hai phong cách nghiên cứu từ góc độ kỹ thuật sẽ dễ dàng hơn để tích hợp chúng với nhau trong cùng một nghiên cứu khoa học.

Cho dù xét từ góc độ nào đi nữa thì mỗi cách tiếp cận đều bộc lộ ưu thế và hạn chế riêng của mình. Những người ủng hộ các phương pháp định lượng cho rằng chỉ NCĐL mới thực sự đảm bảo tính chính xác, khoa học, mới đáng tin cậy và có giá trị bởi vì người ta sử dụng các dụng cụ đo lường khắt khe và chặt chẽ. *“Ý kiến cho rằng chỉ có số liệu định lượng mới là có giá trị và chất lượng thực sự đang tồn tại rộng rãi trong chúng ta”* (Guba & Lincoln 1998, trg.196). Các nhà nghiên cứu theo hướng định lượng không hoàn toàn phủ nhận các phương pháp định tính nhưng xem chúng như là phương pháp phụ, thứ cấp và chỉ có ích trong giai đoạn chuẩn bị cho nghiên cứu. Họ xem rằng bản thân các số liệu định tính cũng như các kết quả rút ra từ số liệu đó không thể tự mình đứng độc lập như là các giá trị khoa học được. Những người ủng hộ NCĐL còn đưa ra một ưu điểm khác của NCĐL là khả năng khái quát hóa của kết quả nghiên cứu. Họ cho rằng kết quả của một NCĐT có mẫu nhỏ như nghiên cứu đối tượng đặc thù (*case satudy*) không phải là bằng chứng cho bất kỳ cái gì khác ngoài những gì thuộc về trong trường hợp cụ thể ấy.

Trong khi đó những người ủng hộ cách tiếp cận định tính cũng chỉ ra một loạt yếu điểm của NCĐL như sau:

Thứ nhất, NCĐL bỏ qua bối cảnh trong đó diễn ra hiện tượng được nghiên cứu (*context stripping*). Ví dụ, một NCĐL dưới dạng thực nghiệm sẽ chỉ quan tâm tới các biến và bối cảnh thì được kiểm soát chặt chẽ mà bỏ qua những yếu tố ngoại cảnh. Nhưng chính những yếu tố này có thể làm thay đổi kết quả nghiên cứu nếu nó không bị kìm hãm như trong điều kiện phòng thí nghiệm. Ví dụ, những phương pháp dạy học hiệu quả được rút ra thông qua thí nghiệm và trắc nghiệm đo lường ở một trường X chỉ có thể áp dụng được ở một trường học khác với cùng những điều kiện ngoại cảnh y hệt như vậy, điều khó có thể xảy ra trên thực tế. Những phương pháp ấy có thể không phát huy hiệu quả ở những trường học khác với một ngoại cảnh khác. Các kết quả của NCĐL vẫn được xem là có khả năng khái quát cao nhưng việc bài trừ hoàn cảnh khiến cho những kết quả đó lại không thể áp dụng được vào những trường hợp cụ thể khác. NCĐT được xem như là một giải pháp chỉnh sửa sự mất cân đối đó của NCĐL bằng cách tìm hiểu và thu thập đầy đủ các thông tin về bối cảnh (Guba & Lincoln 1998).

Thứ hai, việc không đề cập đến ý nghĩa và mục đích của hành vi bên ngoài là một hạn chế rõ ràng của các NCĐL. Những người ủng hộ NCĐT cho rằng các NCĐL đánh đồng các hiện tượng xã hội với các hiện tượng tự nhiên và điều đó là không hợp lý: mặc dù thân thể của cá nhân có thể là đối tượng của nghiên cứu kiểu định lượng nhưng đời sống tinh thần của anh ta thì không thể. *“Hành vi của con người, không giống như những vật thể tự nhiên, không thể hiểu mà không xem xét ý nghĩa và mục đích mà con người gán cho hành động của anh ta... dữ liệu định tính có thể cung cấp một sự hiểu biết thấu đáo xuyên suốt bên trong hành động của con người”* (Guba &

Lincoln 1998 trg. 197-198). Với NCĐT mỗi hành vi không chỉ là những gì biểu hiện ra bên ngoài có thể cân đo và nhìn thấy được mà còn có ý nghĩa chứa đựng ở bên trong (Pring 2000). Nhưng cũng phải thừa nhận một điểm yếu của NCĐT là tính chất riêng biệt của các kết quả cản trở việc khái quát hóa nó.

Trong bối cảnh cả hai trường phái đều cố gắng chứng minh tính ưu việt của mình bằng cách chỉ ra những hạn chế của cách tiếp cận kia, chúng tôi cho rằng mặc dù có sự khác biệt giữa hai cách tiếp cận nhưng chính những mặt mạnh và yếu tồn tại trong từng phương pháp lại thể hiện sự cần thiết phải kết hợp chúng và tính đa nguyên trong sử dụng phương pháp nghiên cứu là điều có thể và cần thiết.

### 3. Định lượng với định tính – Tại sao lại có thể kết hợp?

Một số nhà nghiên cứu phản đối việc kết hợp định tính và định lượng. Leininger (trong Goodwin 1996) cho rằng các nhà nghiên cứu sử dụng cả hai loại phương pháp chỉ bởi vì họ không hiểu các cơ sở triết học của chúng và sự kết hợp đó có thể dẫn đến những kết quả nghiên cứu không có giá trị và làm tổn hại cả hai phía. Bogdan và Biklen (1992) cũng cho rằng sự kết hợp như vậy thường là không 'khôn ngoan' bởi vì:

*Các nhà nghiên cứu, nhất là những người mới vào nghề, thường khó đạt được thành công khi cố gắng kết hợp cả hai cách nghiên cứu định tính và định lượng, và thay vì tạo ra một sự lai ghép siêu đẳng họ chỉ có được một công trình nghiên cứu mà chẳng đáp ứng được tiêu chuẩn của một cách tiếp cận nào cả (trg.43).*

Eisner và Peshkin (trích dẫn trong Goodwin 1996) lại cho rằng nếu xét về mặt định hướng trong phương pháp nghiên cứu có thể chia các nhà khoa học thành không phải là hai mà là bốn nhóm:

a) Nhóm thứ 1 tin rằng nhiệm vụ nghiên cứu sẽ quyết định sự lựa chọn phương pháp và các phương pháp bổ sung cho nhau.

b) Nhóm thứ 2 ủng hộ NCĐL.

c) Nhóm thứ ba sử dụng NCĐT.

d) Nhóm cuối cùng kêu gọi đừng quá chú ý tới sự khác biệt định tính – định lượng mà điều quan trọng cần quan tâm là làm sao cả hai đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của nghiên cứu khoa học.

Nhóm 1 và 4 tương đối cởi mở xét về góc độ phương pháp nhưng bài viết này đề nghị một thái độ tích cực hơn nữa: khuyến khích sự kết hợp định tính và định lượng trong cùng một nghiên cứu khoa học để có thể đạt được một kết quả nghiên cứu tốt hơn. Những lý do chính dẫn đến ý tưởng tích hợp các phương pháp nghiên cứu là:

a) Thứ nhất, nếu nghiên cứu định tính và định lượng bắt nguồn từ hai cách nhìn nhận thế giới khác nhau thì hai quan điểm đó bổ sung cho nhau chứ không loại trừ lẫn nhau như người ta vẫn nghĩ.

b) Thứ hai, xét từ góc độ “kỹ thuật” các phương pháp định lượng và định tính quả có khác nhau nhưng chính sự khác biệt đó nói lên rằng chúng cần phải bổ sung cho nhau.

Dưới đây chúng ta sẽ xem xét cụ thể hai lý do này.

### *3.1. Hai cách tiếp cận định lượng và định tính không loại trừ lẫn nhau như người ta vẫn nghĩ*

Như đã nói ở trên, trong bối cảnh tranh cãi một số nhà khoa học đã lên tiếng kêu gọi xóa bỏ sự chia rẽ định lượng – định tính. Guba & Lincoln (1998) cho rằng nếu quả thực NCĐL và NCĐT bắt nguồn từ một trong hai thế giới quan khác nhau thì cũng thật khó mà kết luận rằng định tính và định lượng: cái nào ưu việt hơn. Goodwin (1996) cho rằng, mặc dù sự khác biệt giữa hai cách tiếp cận là tương đối rõ ràng nhưng mỗi quan điểm đều có những mặt mạnh của nó và kết quả có được từ mỗi loại nghiên cứu đều chứa đựng các giá trị tiềm năng. Vì vậy, gán cho cách tiếp cận này sự vượt trội so với cách tiếp cận khác là một cách làm phản tác dụng. Aubrey (2000) cũng cho rằng, định tính và định lượng không loại trừ lẫn nhau mà đơn giản là những khía cạnh khác nhau của hành trình tìm kiếm sự hiểu biết và tri thức của con người.

Từ góc nhìn của chủ nghĩa duy vật lịch sử các hiện tượng xã hội mà khoa học xã hội nghiên cứu tuân theo các quy luật khách quan nhưng không đồng nhất với các hiện tượng tự nhiên vì nó mang bản chất lịch sử-xã hội và như vậy sự kết hợp định lượng và định tính trong nghiên cứu về xã hội là cần thiết. Thật vậy, giả sử các NCĐL cố gắng thu thập được một khối lượng khổng lồ “số liệu cứng” về khả năng học tập của học sinh với những dụng cụ đo lường chuẩn xác nhất có thể có, thông qua những thí nghiệm chặt chẽ nhất và xử lý các số liệu đó với những chương trình phần mềm hiện đại nhất đã có thì những kết quả cũng chưa đáng tin cậy nếu nó không được phân tích dựa trên những thông tin đầy đủ về hoàn cảnh trong đó trẻ sống và học tập. Ngược lại, NCĐT có thể quan sát kỹ càng cuộc sống và hoạt động học tập của trẻ, điền đầy đủ các phiếu quan sát, ghi chép lại hàng nghìn trang miêu tả để rồi rút ra những kết luận về khả năng học tập của trẻ. Nhưng những kết luận đó sẽ có vẻ phiến diện và thiếu sức thuyết phục nếu không được kiểm chứng bằng những bằng chứng định lượng. Như vậy, kết quả của cả hai loại nghiên cứu có thể khác nhau nhưng đều có thể đúng vì chúng giải quyết những khía cạnh khác nhau của đối tượng nghiên cứu. Vấn đề là ở chỗ mỗi cách tiếp cận đứng riêng một mình sẽ không thể mang lại một bức tranh đầy đủ về thực tiễn và một nghiên cứu chỉ đi theo một trong

hai trường phái sẽ rơi vào tình cảnh “thầy bói xem voi”. Thực tế nghiên cứu khoa học xã hội chứng minh rằng sự đa dạng và phức tạp của thực tiễn đòi hỏi nhiều dạng nghiên cứu để trả lời nhiều câu hỏi khác nhau được đặt ra.

Hiển nhiên là khi tiếp cận một hiện tượng xã hội nào đó các nhà khoa học không thể không bị chi phối bởi thế giới quan của họ – vô tình hay cố ý. Mặt khác, một sự thực cũng rõ ràng không kém là định hướng triết học không phải là yếu tố duy nhất quyết định sự lựa chọn phương pháp nghiên cứu của các nhà khoa học và thực tế cho thấy phương pháp nghiên cứu bị chi phối bởi cả những yếu tố khác như mục đích nghiên cứu, các yêu cầu và giới hạn của bên đặt hàng nghiên cứu, điều kiện thực tế, vấn đề đạo đức... Hơn nữa Carr và Kemmis cho rằng để phân biệt tri thức có tính khoa học hay không không phụ thuộc quá nhiều vào vị thế logic của nó mà ở chỗ “*nó là kết quả của một quá trình nghiên cứu được điều khiển bởi những nguyên tắc và tiêu chuẩn mang tính đòi hỏi rất cao của sự hợp lý*” (đã dẫn trong Robson 1998, trg. 121).

Cuộc tranh cãi định lượng và định tính gần như không có mặt trong các tài liệu về phương pháp nghiên cứu khoa học ở Việt Nam. Bởi vì sự kết hợp định tính và định lượng đã được công nhận hay còn vì lý do nào khác? Những lý do khác đó có thể là: a) Chỉ một số *phương pháp thu thập số liệu định tính* được sử dụng phổ biến ở Việt Nam (như quan sát, phỏng vấn, nghiên cứu tài liệu...) còn những *mô hình nghiên cứu định tính* (như ethnomethodological, phenomenological study và case study) vẫn còn tương đối mới mẻ. Trong hầu hết các nghiên cứu về khoa học xã hội ở Việt Nam số liệu định lượng vẫn mang tính chính yếu. b) Ngay cả khi các phương pháp định tính được sử dụng, số liệu định tính thường được định lượng hóa tối đa. Hơn nữa cách thu thập và xử lý số liệu vẫn khá phiến diện và chưa bảo đảm được tính khoa học ở đa số các nghiên cứu xã hội. Ví dụ, người ta thường không trình bày một cách rõ ràng cách lập bảng quan sát và ghi chép, cách đặt các âm mã (code) và phân phạm trù (categories), cách kiểm định tính chính xác của các số liệu định tính... trong các báo cáo về kết quả nghiên cứu. Vì hai lý do đó mà những đặc tính riêng biệt của nghiên cứu định tính chưa được thể hiện rõ trong các nghiên cứu khoa học và các phương pháp định tính chưa được chú trọng thích đáng nên chưa làm nảy sinh sự so sánh định lượng và định tính.

### **3.2. Các phương pháp định lượng và định tính có thể bổ sung cho nhau không?**

Mặc dù các phương pháp nghiên cứu khác nhau ở cách thức tìm hiểu đối tượng nhưng chúng có nhiều điểm chung và bổ sung cho nhau và chính điều này ủng hộ cho việc kết hợp chúng với nhau. Bryman (1995, 2001) đưa ra các điểm tương đồng vào hỗ trợ lẫn nhau giữa các phương pháp định tính và định lượng là:

*Thứ nhất, cả hai đều nhắm tới việc tìm kiếm hiểu biết và tri thức khoa học mặc dù dưới các dạng khác nhau, chúng có thể hỗ trợ lẫn nhau để tạo nên một hiểu biết thấu đáo về đối tượng.*

*Thứ hai, cả hai cách tiếp cận đều đòi hỏi một quá trình nghiên cứu chuẩn xác và chặt chẽ, vì vậy kết quả của một cách tiếp cận này có thể đủ tin cậy để sử dụng cho cách tiếp cận kia và ngược lại.*

*Thứ ba, cả hai trường phái đều sử dụng sự đo lường như là một thành phần quan trọng của tiến trình nghiên cứu, mặc dù dưới các dạng khác nhau. Kết quả đo lường đó có thể bổ sung cho nhau.*

Những điểm giống và bổ sung cho nhau sẽ là một mắt xích quan trọng nối liền cách tiếp cận định lượng và định tính. Và, mặc dù cuộc đối đầu định tính và định lượng rất quyết liệt trên trang giấy, trong thực tế người ta dễ dàng tìm thấy các yếu tố định tính trong một NCĐL và ngược lại. Ví dụ: một NCĐL có chứa các yếu tố định tính khi giải thích các số liệu thống kê, đưa ra các thông tin về bối cảnh khi trình bày kết quả nghiên cứu. Ngược lại, một NCĐT có thể sử dụng các yếu tố định lượng: việc sử dụng các phạm trù (*categories*) để xử lý số liệu quan sát hay phỏng vấn là một cách 'định lượng hóa' các số liệu định tính. Có nghĩa là trong các kết quả định lượng có thể chứa đựng yếu tố chủ quan và trong một NCĐT có thể có các yếu tố khách quan.

Tác giả bài viết này tin rằng sử dụng cả hai phong cách tìm hiểu trong một nghiên cứu có thể mang lại sự hiểu biết thấu đáo về đối tượng nghiên cứu, làm tăng độ tin cậy và giá trị của kết quả nghiên cứu. Tuy vậy, cần phải lưu ý rằng đa nguyên trong phương pháp nghiên cứu không phải lúc nào cũng tốt hơn là nghiên cứu chỉ áp dụng một cách tiếp cận. Nghiên cứu đa phương pháp cũng như bất kỳ một nghiên cứu nào chỉ có thể thành công nếu nó được thiết kế và thực hiện một cách nghiêm túc và chuyên nghiệp, nếu nó thích hợp với mục đích và điều kiện nghiên cứu. Các mô hình kết hợp định lượng và định tính trong nghiên cứu khoa học xã hội sẽ được bàn đến trong những bài viết tiếp theo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Aubrey, C. *et al* (2000), *Early Childhood Educational Research. Issues in Methodology and Ethics*, London: Routledge.
- [2]. Bogdan, R., Biklen, S.K. (1992), *Qualitative Research for Education* (2<sup>nd</sup> ed.) Boston: Allyn and Bacon.
- [3]. Bryman, A. (2001), *Social Research Methods*, Oxford : Open University Press.
- [4]. Bryman, A. (1995), *Quantity and Quality in Social Research* , London: Routledge.



- [5]. Creswell, J.W. (2003), *Research Design Qualitative, quantitative, and Mix Methods. Approaches* (2<sup>nd</sup> ed.) London: Sage Publications.
- [6]. Goodwin, W. & Goodwin, L. (1996), *Understanding Quantitative and Qualitative Research in Early Childhood Education*, London: Teachers College Press.
- [7]. Guba, E. & Lincoln, Y. (1998), 'Competing Paradigms in Qualitative Research' in Denzin, N. & Lincoln, Y. *The Landscape of Qualitative Research. Theories and Issues*, London: Sage.
- [8]. Robson, C. (2000), *Real World of Research*, Oxford: Blackwell.
- [9]. Pring, R. (2000), *Philosophy of Educational Research*, London : Continuum.

### Tóm tắt

#### Kết hợp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học xã hội

Sự lớn mạnh của các nghiên cứu định tính trong nửa sau của thế kỷ 20 đã dẫn đến một cuộc tranh cãi gay gắt giữa những người ủng hộ cách tiếp cận định lượng truyền thống và những người ủng hộ nghiên cứu. Bài viết này xem xét các khả năng kết hợp cả hai cách tiếp cận trong nghiên cứu khoa học xã hội để đạt được một sự hiểu biết thấu đáo và toàn diện hơn về đối tượng được nghiên cứu.

### Abstract

#### Combination of quantitative and qualitative methods in social research

In the second half of the twentieth century a qualitative approach increasingly became a significant part of research in social sciences. At the same time, vociferous debate between proponents of quantitative and qualitative research was a prominent topic in research methodology. This article is about an effort to examine the possibilities of integrating two ways of approaches in social research in order to understand phenomena being studied more deeply and comprehensively.